

Số: 672/TB-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 26 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026 – ĐỢT 2

Trường Đại học Tây Đô trân trọng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ năm 2026 – Đợt 2 với các nội dung như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổng tín chỉ CTĐT	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh
1	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	60	38	Xét tuyển kết hợp đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với các thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2	Luật Kinh tế	8380107	60	20	
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	60	11	
4	Quản trị kinh doanh	8340101	60	32	
5	Tài chính – Ngân hàng	8340201	60	27	
6	Kế toán	8340301	60	9	
7	Thú Y	8640101	60	35	

(Kèm theo Phụ lục 1: bảng danh mục các ngành phù hợp xét tuyển đầu vào và các môn học bổ sung kiến thức)

II. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

1. Điều kiện về văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi.

b) Đối với các ứng viên có ngành xét tuyển có bằng tốt nghiệp Đại học ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành phải học và thi đạt các học phần bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi tham gia xét tuyển (*các môn học bổ sung kiến thức được xác định dựa trên bảng điểm trình độ đại học của thí sinh, theo Phụ lục 1: bảng danh mục các ngành phù hợp xét tuyển đầu vào và các môn học bổ sung kiến thức*)

c) Người có văn bằng Đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

d) Sinh viên đang học chương trình đào tạo bậc đại học ở Trường Đại học Tây Đô

có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy đạt từ loại khá trở lên có thể đăng ký học trước ở chương trình học thạc sĩ tương ứng không vượt quá 15 tín chỉ (*Theo quy định tại Điều 4 khoản 2 của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT*).

e) Thí sinh dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký tuyển sinh theo học chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

2. Điều kiện về ngoại ngữ:

Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Tây Đô cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 (B1) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 06 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 1 của Quy chế tuyển sinh và Đào tạo thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố. (*chi tiết tại Phụ lục 2: bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ*).

d) Đối với ứng viên chưa đáp ứng điều kiện ngoại ngữ ở các mục a, b, c Trường đại học Tây Đô sẽ tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào tương đương bậc 3/6 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại thời điểm tuyển sinh từng đợt.

III. ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Địa điểm đào tạo: trường Đại học Tây Đô.

2. Hình thức đào tạo: theo học chế tín chỉ hệ chính quy (60 tín chỉ).

3. Thời gian đào tạo: Học vào các ngày thứ bảy và chủ nhật hàng tuần (trung bình 1.5 năm) hoặc học vào các ngày trong tuần (hoàn thành trong 2 học kỳ).

4. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường sẽ thực hiện đào tạo và đánh giá trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đơn đăng ký xét tuyển (01 bản chính theo mẫu, thí sinh tải về theo địa chỉ Website: ts.tdu.edu.vn).

2. Bằng tốt nghiệp đại học (**02 bản** sao y có chứng thực).

3. Bảng điểm đại học (**02 bản** sao y có chứng thực).

4. Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan công tác, đóng dấu giáp lai ảnh. Thí sinh tải về theo địa chỉ Website: ts.tdu.edu.vn).

5. Giấy khám sức khỏe (01 bản chính không quá 06 tháng).

6. Giấy khai sinh bản sao hoặc bản chính sao y có chứng thực.

7. Căn cước hoặc căn cước công dân (01 bản sao y có chứng thực).

8. Phiếu dán ảnh (dán kèm 05 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 06 tháng)

9. Chứng chỉ ngoại ngữ, nếu có (**02 bản** sao y có chứng thực).

10. Hồ sơ xác nhận ưu tiên (nếu có).

11. Giấy Công nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở nước ngoài cấp (**02 bản** sao y có chứng thực).

12. Bảng điểm bổ sung kiến thức đối với nhóm ngành phù hợp cần bổ sung kiến thức (**02 bản** sao y có chứng thực).

Thí sinh sắp xếp thứ tự từ trên xuống và nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ:

Phòng Tuyển sinh và Truyền thông – Trường Đại học Tây Đô, số 68, đường Trần Chiên, P. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Hotline: 0939 965 986

V. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ, HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, CHI PHÍ DỰ TUYỂN

1. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đến hết ngày 30/8/2026.

2. Thời gian học bổ sung kiến thức đối với thí sinh tốt nghiệp những ngành cần học bổ sung kiến thức theo quy định (dự kiến): bắt đầu ngày 31/8/2026.

3. Thời gian ôn đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào đối với thí sinh chưa đáp ứng điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo quy định (dự kiến): bắt đầu từ ngày 24/10/2026.

4. Thời gian công bố kết quả xét tuyển (dự kiến): ngày 25/11/2026.

5. Thời gian nhập học (dự kiến): 12/12/2026.

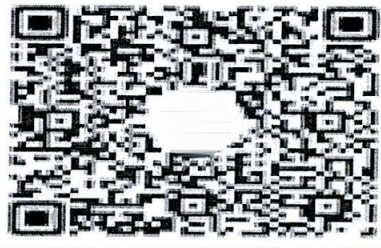
6. Lệ phí xét tuyển, học phí học bổ sung kiến thức:

a) Lệ phí xét tuyển: **500.000 đồng/thí sinh**.

b) Học phí học và thi bổ sung kiến thức: **1.000.000 đồng/học phần.**

c) Học phí ôn và kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào: **1.200.000 đồng/thí sinh.**

7. Cách thức nộp lệ phí xét tuyển, học phí học bổ sung kiến thức, học phí ôn và kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào: Nộp trực tiếp tại Phòng Tài chính - Kế hoạch Trường Đại học Tây Đô hoặc chuyển khoản theo thông tin:

Thông tin chuyển khoản	Mã QR
- Tên tài khoản: Trường Đại học Tây Đô - Số tài khoản: 0111000268268 - Tại NH: VIETCOMBANK Cần Thơ. - Nội dung: Họ và tên, số CCCD, ngành xét tuyển - Đóng LPXT/học BSKT/học phí anh văn đầu vào đợt 2-2026	

VI. HỌC PHÍ VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ:

1. Học phí các ngành

TT	Tên ngành	Học phí/đợt (năm)	Học phí toàn khóa
1	Dược lý và dược lâm sàng	54.000.000	108.000.000
2	Luật Kinh tế	33.000.000	66.000.000
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	29.700.000	59.400.000
4	Quản trị kinh doanh	28.800.000	57.600.000
5	Tài chính – Ngân hàng	28.800.000	57.600.000
6	Kế toán	29.700.000	59.400.000
7	Thú y	33.000.000	66.000.000

2. Chính sách hỗ trợ học phí

Nhà trường có giảm học phí cho các đối tượng:

a) Đối với tất cả các ngành đào tạo Thạc sĩ:

- Giảm 50% học phí trường hợp con Liệt sỹ.
- Giảm 30% học phí trường hợp con Thương binh hạng 1/4 và 2/4.
- Giảm 10% học phí trường hợp con thương binh hạng 3/4.
- Giảm 20% học phí cho anh, chị, em, vợ/chồng cùng học tại trường.
- Giảm 10% học phí toàn khóa đối với thầy, cô giáo đang giảng dạy tại các trường THPT và cán bộ thuộc Đảng ủy các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ (mới).
- Giảm 15% học phí toàn khóa đối với thầy, cô giáo đang giảng dạy tại các trường THPT đã ký kết nghĩa với Trường Đại học Tây Đô.

b) Đối với các ngành Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Luật Kinh tế, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành:

- Giảm 10% học phí toàn khóa cho học viên là cựu sinh viên, học viên thạc sĩ của Trường.

- Giảm 10% học phí năm thứ nhất cho học viên là người được giới thiệu từ sinh viên, học viên, cựu sinh viên, cựu học viên của Trường.

VII. LIÊN HỆ:

Phòng Tuyển sinh và Truyền thông – Trường Đại học Tây Đô.

Địa chỉ: Số 68 Trần Chiên, KV. Thạnh Mỹ, P. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Hotline: 0939 965 986.

Website: ts.tdu.edu.vn

Email: tssaudaihoc@tdu.edu.vn

Ghi chú: Khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, thí sinh vui lòng xem kỹ điều kiện được dự thi theo thông báo tuyển sinh của Trường. Hồ sơ dự tuyển nếu không được Hội đồng Tuyển sinh của Trường xét duyệt sẽ không hoàn trả lệ phí và hồ sơ đã nộp.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- UB, CQĐBSCL;
- HĐT (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VP. TC – HC.





PHỤ LỤC 1

**BẢNG DANH MỤC CÁC NHÓM NGÀNH PHÙ HỢP
VÀ CÁC HỌC PHẦN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 781/QĐ-ĐHTĐ, ngày 11/10/2024 về việc ban hành
Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ)

I. QUẢN TRỊ KINH DOANH		
Danh mục ngành phù hợp	Học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
1. Các ngành phù hợp nhóm 01		
• Quản trị kinh doanh • Marketing • Bất động sản • Kinh doanh quốc tế • Kinh doanh thương mại • Thương mại điện tử • Kinh doanh thời trang và dệt may - Các ngành khác có chương trình đào tạo ở bậc đại học khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh không quá 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Không	
2. Các ngành phù hợp nhóm 2		
• Kinh tế • Kinh tế chính trị • Kinh tế đầu tư • Kinh tế phát triển • Kinh tế quốc tế • Thống kê kinh tế • Toán kinh tế • Tài chính – Ngân hàng • Bảo hiểm • Kế toán • Kiểm toán • Khoa học quản lý	1. Quản trị học 2. Quản trị sản xuất 3. Quản trị nhân sự 4. Quản trị Marketing	2 2 2 2

Handwritten signature

• Quản lý công • Quản trị nhân lực • Hệ thống thông tin quản lý • Quản trị văn phòng • Quan hệ lao động • Quản lý dự án • Kinh tế công nghiệp • Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng • Kinh tế xây dựng • Kinh doanh nông nghiệp • Kinh tế nông nghiệp • Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành • Quản trị khách sạn • Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống • Kinh tế gia đình • Kinh tế vận tải -Các ngành khác có chương trình đào tạo ở bậc đại học khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.		
3. Các ngành phù hợp nhóm 3		
Các ngành khác không thuộc danh mục ngành phù hợp nhóm 1 và nhóm 2 thì Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và ra quyết định.	1. Kinh tế học 2. Quản trị học 3. Nguyên lý Marketing 4. Quản trị sản xuất 5. Quản trị nhân sự 6. Quản trị Marketing 7. Quản trị tài chính * Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học phần giống học phần bổ sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức	3 2 2 2 2 2 2

	trương ứng.	
II. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG		
Danh mục ngành phù hợp	Học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
1. Các ngành phù hợp nhóm 01		
Tài chính – Ngân hàng. - Các chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế Tài chính - Ngân hàng: Tài chính, Tài chính quốc tế, Tài chính doanh nghiệp, Đầu tư chứng khoán, Ngân hàng, Thị trường chứng khoán, Bảo hiểm. - Các ngành khác có chương trình đào tạo ở bậc đại học khác với chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng không quá 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Không	
2. Các ngành phù hợp nhóm 02		
- Các ngành: Quản lý kinh tế, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kế toán - Kiểm toán, Quản lý và phân tích thông tin kinh tế, Quản lý nguồn nhân lực, Thương mại quốc tế, Ngoại thương và Thẩm định giá, Marketing.	1. Tiền tệ ngân hàng 2. Quản trị tài chính 3. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2 2 2
- Các ngành khác có chương trình đào tạo ở bậc đại học khác với chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.		
3. Các ngành phù hợp nhóm 03		
Các ngành khác không thuộc nhóm ngành phù hợp 01 và nhóm ngành phù hợp 02 thì Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và ra quyết định.	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Nguyên lý kế toán 4. Tiền tệ ngân hàng 5. Quản trị tài chính 6. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại * Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học	2 2 2 2 2 2

	phần giống học phần bổ sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức tương ứng.	
III. KẾ TOÁN		
Danh mục ngành phù hợp	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1. Ngành phù hợp nhóm 01		
Kế toán, Kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp; Kế toán đơn vị sự nghiệp. - Các ngành khác có chương trình đào tạo ở bậc đại học khác với chương trình đào tạo ngành Kế toán không quá 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Không	
2. Ngành phù hợp nhóm 02		
Các ngành: Quản lý kinh tế; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Quản lý và phân tích thông tin quốc tế; Quản lý nguồn nhân lực; Thương mại quốc tế; Ngoại thương và Thảm định giá; Tài chính – Ngân hàng. - Các ngành khác có chương trình đào tạo ở bậc đại học khác với chương trình đào tạo ngành Kế toán từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	1. Kế toán tài chính 2. Kế toán quản trị 3. Kiểm toán căn bản	2 2 2
3. Ngành phù hợp nhóm 03		
Các ngành khác không thuộc nhóm ngành phù hợp 01 và nhóm ngành phù hợp 02 thì Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và ra quyết định.	1. Kế toán tài chính 2. Kế toán quản trị 3. Kiểm toán căn bản 4. Kinh tế học 5. Nguyên lý kế toán 6. Tổ chức hạch toán kế toán * Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học phần giống với học phần bổ	2 2 2 2 2 2

	sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức tương ứng.	
--	--	--

IV. LUẬT KINH TẾ

Danh mục ngành phù hợp/ngành gần	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
Luật kinh tế (7380107)	Không	
1. Ngành phù hợp nhóm 01		
Luật quốc tế (7380108)	1. Luật Thương mại * Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học phần giống với học phần bổ sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức tương ứng.	2
Luật hiến pháp và Luật hành chính (7380102)		
Luật hình sự và tố tụng hình sự (7380104)		
Luật dân sự và tố tụng dân sự (7380103)		
Luật kinh doanh (73890)		
Luật thương mại (73890)		
Luật tư pháp (73890)		
2. Ngành phù hợp nhóm 02		
Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; (7860109)	1. Lý luận về Nhà nước và pháp luật	2
Quản lý trật tự an toàn giao thông; (7860110)	2. Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	2
Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; (7860111)	3. Luật Hành chính	2
Điều tra hình sự; (7860104)	4. Luật Lao động	2
Trình sát an ninh; (7860101)	5. Pháp luật về kinh tế	2
Trình sát cảnh sát; (7860102)	6. Luật Thuế và Luật Đầu tư	2
Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân (7860112)	7. Luật Thương mại và Luật Sở hữu trí tuệ	2
Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ nạn nhân; (7860113)	* Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học phần giống với học phần bổ sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức tương ứng.	
Hậu cần Công an nhân dân; (7860116)		

V. QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH:

Danh mục ngành phù hợp	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1. Ngành phù hợp nhóm 01		

Handwritten signature

- Ngành đúng hoặc phù hợp: • Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành • Quản trị khách sạn • Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống • Du lịch.	Không	
---	-------	--

2. Ngành phù hợp nhóm 02

- Ngành gần: Các ngành thuộc khối ngành kinh doanh và quản lí (nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý) hoặc được đào tạo về du lịch thuộc các ngành xã hội, nhân văn như: Việt Nam học (du lịch), Địa lí du lịch, ...	1. Tuyển điểm du lịch 2. Thiết kế và điều hành tour 3. Quản trị lữ hành <i>Ghi chú: các môn học bổ sung kiến thức được xác định dựa trên bảng điểm trình độ đại học của thí sinh</i>	2 2 2
---	---	-------------

3. Ngành phù hợp nhóm 03

- Các ngành khác: Các ngành khác ngoài nhóm 1 và 2 thì Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và ra quyết định.	1. Quản trị học 2. Kinh tế học 3. Tuyển điểm du lịch 4. Kinh tế du lịch 5. Quản trị lữ hành 6. Thiết kế và điều hành tour <i>Ghi chú: Các môn học bổ sung kiến thức được xác định dựa trên bảng điểm trình độ đại học của thí sinh</i> * Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học phần giống với học phần bổ sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức tương ứng.	2 2 2 2 2 2
--	--	----------------------------

VI. NGÀNH DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG

Danh mục ngành phù hợp	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1. Ngành phù hợp nhóm 01		
- Dược học	Không	
2. Ngành phù hợp nhóm 02		
Các ngành: • Hóa Dược	1. Dược lý 2. Dược lâm sàng 3. Pháp chế dược	4 4 2

• Y khoa • Y học dự phòng • Y học cổ truyền • Răng - Hàm - Mặt • Kỹ thuật phục hình răng • Kỹ thuật xét nghiệm y học • Kỹ thuật hình ảnh y học • Kỹ thuật phục hồi chức năng • Điều dưỡng • Hộ sinh • Dinh dưỡng • Y tế công cộng • Tổ chức và quản lý y tế • Quản lý bệnh viện.	* Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học phần giống với học phần bổ sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức tương ứng.	
VII. NGÀNH THÚ Y		
Danh mục ngành phù hợp	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1. Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức		
Thú Y; Chăn nuôi – Thú Y	Không	
2. Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức		
Chăn nuôi	Miễn dịch học thú y	2
Nông học	Sinh lý bệnh thú y	2
Bệnh học thủy sản	Vi sinh thú y	3 (02 lý thuyết; 01 thực hành)
Nuôi trồng thủy sản	* Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học phần giống với học phần bổ sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức tương ứng.	
Công nghệ sinh học		
Sư phạm sinh học		
Các ngành khác do Hội đồng tuyển sinh quyết định.		

PHỤ LỤC 2

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/ Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 – 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL)	B1	B2
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2	Level 3
		Versant English Placement Test (VEPT)	43 - 66	
		Oxford Test of English (OTE)	81–110	111–140
		Oxford Test of English Advanced (OTE Advanced)		111–140
		Languagecert International ESOL	B1 Achiever	B2 Communicator
		Languagecert Academic	40–59	60–74
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Số: 673/TB-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 26 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2026 – ĐỢT 2
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Trường Đại học Tây Đô thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026 – Đợt 2 ngành Quản trị kinh doanh (áp dụng theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28/6/2021 và quyết định 835/QĐ-ĐHTĐ của Trường Đại học Tây Đô ngày 29/10/2024) với các nội dung như sau:

A. THÔNG TIN TUYỂN SINH

I. NGÀNH ĐÀO TẠO, CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Mã ngành: **9340101**
- Chỉ tiêu dự kiến: **06**
- Tổng số tín chỉ CTĐT: **90 tín chỉ**

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Thạc sĩ hoặc cử nhân (tốt nghiệp loại giỏi) đúng ngành Quản trị kinh doanh.
- Thạc sĩ tốt nghiệp các ngành gần (*Kèm theo phụ lục I: Danh mục ngành gần và học phần bổ sung kiến thức*).

III. HÌNH THỨC TUYỂN SINH: Xét tuyển.

- Đánh giá thí sinh dự tuyển đào tạo tiến sĩ gồm:
 - + Đánh giá hồ sơ dự tuyển.
 - + Đánh giá việc trình bày và vấn đáp của thí sinh: Ứng viên trình bày đề cương tổng quát đề tài nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Hội đồng chấm đề cương.
- Đối với thí sinh dự tuyển từ bậc đại học, ngoài phần xét tuyển, thí sinh phải dự thi và đạt các môn trong kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ của ngành theo học.

IV. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN (Theo quy định tại Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28/6/2021 và quyết định 835/QĐ-ĐHTĐ của Trường Đại học Tây Đô ngày 29/10/2024)

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ Quản trị kinh doanh.
2. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh.

3. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc 01 bài báo, báo cáo khoa học chuyên ngành đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

4. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

5. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại *Phụ lục, Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ* còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (B2) (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

6. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường Đại học Tây Đô quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

V. DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Nghiên cứu sinh là cử nhân phải hoàn tất các học phần của chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tây Đô (không bao gồm ngoại ngữ và luận văn).

2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành 05 học phần bổ sung (*Kèm theo phụ lục I: Danh mục ngành gần và học phần bổ sung kiến thức*)

VI. HÌNH THỨC, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng) do Trường Đại học Tây Đô quyết định; Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06

năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án. Trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

VII. TIÊU CHUẨN NGƯỜI HƯỚNG DẪN

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

d) Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

- Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

- Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy, là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo hoặc của 01 chương sách tham khảo (là tác giả chính)

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính tới thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (danh mục WoS/Scopus) hoặc 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành; hoặc 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm

trở lên tính theo điểm tối đa do Hội Đồng Giáo nhà nước quy định cho mỗi loại công trình;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường, hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với trường Đại học Tây Đô với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

VIII. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đơn đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);

2. Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao có chứng thực);

3. Bằng tốt nghiệp thạc sĩ (01 bản sao có chứng thực);

4. Bảng điểm đại học (01 bản sao có chứng thực);

5. Bảng điểm thạc sĩ (01 bản sao có chứng thực);

6. Lý lịch khoa học (01 bản chính theo mẫu);

7. Căn cước hoặc Căn cước công dân (01 bản sao có chứng thực);

8. Chứng chỉ ngoại ngữ (01 bản sao có chứng thực);

9. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao có chứng thực);

10. 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố; hoặc hợp đồng lao động có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên nếu là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ (bản sao);

11. Đề cương nghiên cứu tổng quát (07 quyển, theo mẫu);

12. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu);

13. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

14. Phiếu dán ảnh ghi rõ họ tên của ứng viên (dán kèm 03 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 03 tháng);

15. Bản sao hộ chiếu có thời gian sử dụng cho toàn bộ quá trình học tập (nếu người dự tuyển là người nước ngoài);

16. Bản sao giấy tờ chứng minh về tài chính (nếu người dự tuyển là người nước ngoài).

❖ **lượng hồ sơ: 01 bộ.**

B. CÁC KHOẢN ĐÓNG LỆ PHÍ, HỌC PHÍ, THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN VÀ CÁCH THỨC NỘP LỆ PHÍ

I. CÁC KHOẢN ĐÓNG LỆ PHÍ:

- Lệ phí xét tuyển nghiên cứu sinh: **4.000.000 đồng/Nghiên cứu sinh.**
- Lệ phí học và thi bổ sung kiến thức: **1.500.000 đồng/01 tín chỉ.**

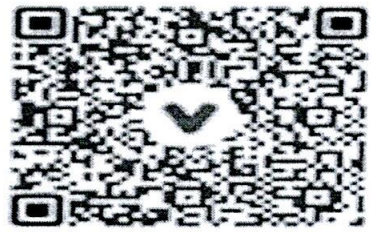
II. HỌC PHÍ: Học phí toàn khóa: **198.000.000 đồng/khóa** (Chia làm 03 đợt).

III. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN, THỜI GIAN XÉT TUYỂN, CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ NHẬP HỌC

- Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: đến hết ngày 30/8/2026.
- Thời gian trình bày đề cương nghiên cứu (dự kiến): 14/11/2026.
- Thời gian công bố kết quả tuyển sinh (dự kiến): 25/11/2026.
- Thời gian nhập học (dự kiến): 12/12/2026.

IV. CÁCH THỨC NỘP LỆ PHÍ:

- Chuyển khoản theo thông tin sau:

Thông tin chuyển khoản	Mã QR
- Tên tài khoản: Trường Đại học Tây Đô - Số tài khoản: 0111000268268 - Tại NH: VIETCOMBANK Cần Thơ. - Nội dung: Họ và tên, số CCCD, ngành xét tuyển - Đóng lệ phí xét tuyển tiến sĩ đợt 2-2026	

C. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký dự tuyển và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ:

Phòng Tuyển sinh và Truyền thông – Trường Đại học Tây Đô.

Địa chỉ: **Số 68 Trần Chiên, KV. Thạnh Mỹ, P. Cái Răng, TP. Cần Thơ.**

Hotline: 0939 965 986 (ThS. Nguyễn Tài Lợi)

Thông tin trên trang website: <http://tdu.edu.vn>

Ghi chú: Khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, thí sinh vui lòng xem kỹ điều kiện được dự tuyển theo thông báo tuyển sinh của Trường. Hồ sơ dự thi nếu không được Hội đồng Tuyển sinh của Trường xét duyệt sẽ không hoàn trả lệ phí và hồ sơ đã nộp. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- UB, CQĐBSCL;
- HĐT (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VP. TC – HC, P.TS&TT.



GS.TS. Trần Công Luận



PHỤ LỤC I

Danh mục ngành gần và học phần bổ sung kiến thức

(Ban hành kèm theo Quyết định số 835/QĐ-ĐHTĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Mã số	Ngành học	Tên học phần	Số tín chỉ
8140114	Quản lý giáo dục	1. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	03
8229042	Quản lý văn hóa (mã cũ 8319042)	2. Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp	03
83101	Kinh tế học	3. Quản trị tài chính và kế toán cho cấp quản trị	03
834	Kinh doanh và quản lý (trừ 8340101)	4. Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	03
8510601	Quản lý công nghiệp	5. Nghiên cứu marketing	03
8510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		
8810301	Quản lý thể dục thể thao		
8810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
8840103	Tổ chức và quản lý vận tải		
Những ngành khác thuộc các lĩnh vực nêu trên nhưng không có tên trong danh mục thống kê ngành giáo dục đại học theo thông tư 09/2022			

PHỤ LỤC II

Chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (B2) (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ /Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage /Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL)	B2
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 3
		Oxford Test of English (OTE)	111–140
		Oxford Test of English Advanced (OTE Advanced)	111–140
		LANGUAGECERT International ESOL	B2 Communicator
		LANGUAGECERT Academic	60–74
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliancefrançaisdiplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe-Institut	Goethe-Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test(JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ- 2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên